**TUẦN 32**

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Mở rộng vốn từ về tình hữu nghị**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Thông qua các bài tập củng cố cho HS nắm chắc vốn từ về tình hữu nghị.

- Giúp HS hiểu được một số thành ngữ nói về tình hữu nghị

- Biết cách sử dụng các từ ngữ, thành ngữ nói về tình hữu nghị giữa nhân dân các nước

**2. Năng lực chung.**

+ NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm).

+ NL tự chủ và tự học: Làm đúng các yêu cầu của bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng làm tốt các bài tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

- Phẩm chất nhân ái: Biết quý trọng tình cảm của bạn bè trên thế giới.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

- GV: Bài giảng powerpoint

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Yêu cầu " Điền vào chỗ trống các từ phù hợp với lời giải thích sau: hợp nhất , hữu nghị hợp lực , hợp tác.  a, Tình cảm thân thiện giữ các nước gọi là:.....................  b, Có tình cảm, có sức hấp dẫn gọi là:...................  c, Chung sức với nhau để làm một việc gì đó gọi là: ..................................  - Yêu cầu HS lên cho cả lớp chơi TC.  - *GV chốt: Các từ trên thuộc chủ đề* *về tình hữu nghị*  **2. Luyện tập**  **Bài 1:Xếp những từ có tiếng hữu đã cho dưới đây thành hai nhóm a và b.**  Hữu nghị, hữu chiến, hữu hiệu, hữu tình, thân hữu, hữu ích, hữu hảo, bàng hữu , bạn hữu.  a, Hữu có nghĩa là" bạn bè"?  b, Hữu có nghiã là "có"  - Yêu cầu HS giải thích một số từ như :Hữu nghị ,hữu ích ,  **-** GV nhận xét , tuyên dương.  - GV giải thích thêm cho HS.  **Bài 2:** Đặt câu với từ ở bài tập 1?  - Chăm lo vun đắp tình **hữu nghị** với nhân dân các nước là việc nhân dân ta luôn quan tâm.  - Là bộ đội - bác ấy rất yêu mến các **chiến hữu** của mình.  - Bữa tiệc đó có đủ mặt họ hàng **thân hữu.**  - Tình **bằng hữu** thật cao quý.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4  - GV nhận xét và tuyên dương.  - GV củng cố: Tình *hữu nghị giữa nhân dân các nước.*  **Bài 3**: Viết đoạn văn (3-4 câu )nói về tình hữu nghị giữa Việt Nam với các nước khác**.**  - GV cho HS xác định yêu cầu của bài.  - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - Gọi 1 số HS đọc đoạn viết của mình.  - GV nhận xét  - GV đọc cho HS một số đoạn văn tham khảo  Với lịch sử giàu truyền thống đoàn kết, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau Việt Nam luôn là người bạn tốt với các nước trên thế giới.Đặc biệt là tình hữu nghị giữa Việt Nam và Campuchia. Trải qua thăng trầm của Lịch sử hai nước  khẳng định quyết tâm tiếp tục cùng nhau vun đắp cho mối quan hệ hữu nghị, hợp tác Việt Nam - Campuchia phát triển nhằm mang lại lợi ích cho nhân dân hai nước.  **3. Vận dụng: 2-3'**  + Cho HS quan sát video cảnh một số hình ảnh về các nước: Nhật Bản, Cu – ba, Nga, Pháp, ...  + Em thích nhất hình ảnh của nước nào?  - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | -HS chơi trò chơi.  - Viết vào bảng con.  a, Hữu nghị.  b, Hữu tình  c, Hợp lực.  - HS nhận xét  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  - HS nêu :  a, Hữu nghị ,hữu hảo, bạn hữu. bàng hữu thân hữu.  b, hữu ích ,hữu hiệu, hữu tình.  - 2-3 HS giải thích.  - HS nhận xét.  - HS đọc yêu cầu.    -HS thảo luận nhóm 4.  - Đại diện nhóm nhóm trình bày.  - HS nhận xét.  - 1-2 HS đọc yêu cầu.  - HS xác định yêu cầu của bài.  - HS làm bài cá nhân, viết vào vở.  - HS trình bày đoạn viết của mình,  - HS khác nhận xét.  - HS quan sát video.  + Trả lời các câu hỏi.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Viết tên riêng nước ngoài**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực.**

**-**- Đọc thành tiếng trôi chảy và đọc đúng các tên riêng nước ngoài , từ ngữ phiên âm: Lúc-xăm-bua, Mô-ni-ca, Giết-xá-ca, In-tơ-nét

**-** Nắm được quy tắc viết hoa tên người.

- Biết vận dụng quy tắc đã học để viết đúng những tên người.

- Biết viết tên riêng người nước ngoài qua bài tập thực hành vận dụng.

+ Cảm nhận được các chi tiết thể hiện thái độ thân thiện, tình cảm yêu mềm

quý trọng

+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**2. Phẩm chất**

- Giáo dục HS có ý thức viết đúng tên người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC**

- GV: Bài giảng powerpoint

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động.**  - Yêu cầu HS nêu quy tắc viết hoa tên người , tên địa lí nước ngoài?  - GV nhận xét , tuyên dương.  - Viết vào bảng con 1 tên người, hay tên một nước mà em biết?  - GV nhận xét.  *Chốt:- Khi viết tên người, tên địa lí nước ngoài, ta viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu bộ phận tạo thành tên gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng cần có gạch nối.*  *- Có một số tên người, tên địa lí nước ngoài viết giống như cách viết tên riêng Việt nam. Đó là những tên riêng được phiên âm theo âm Hán Việt.*  **2.Luyện tập:**  **Bài 1:. 1. Tên riêng Tô- ki-ô được viết như thế nào? Chọn ý đúng**  *a)* Viết hoa chữ cái đầu tiên và đặt dấu gạch nối giữa các tiếng.  *b)* Viết hoa chữ cái đầu tiên, không đặt dấu gạch nối giữa các tiếng.  *c)* Viết hoa chữ cái đầu tiên của tất cả các tiếng trong tên.  - GV nhận xét tuyên dương.  - *GV chốt: Tên riêng của người nước ngoài được viêt hoa chữ cái đầu tiên và đặt dấu gạch nối giữa các tiếng* .  ( GV viết lên bảng tên riêng của người nước ngoài). Yêu cầu HS đọc.  Mô - ni- ca-, Giết- xá- ca, In-tơ-nét, Tô -mát Ê- đi - xơn.  **Bài 2:** Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi:  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau:  - Mô - ni- ca-, Giết- xá- ca, In-tơ-nét, Tô -mát Ê- đi - xơn.  - Chữ cái đầu mở tiếng được viết như thế nào?  - Cách viết các tiếng trong cùng một bộ phận thì thế nào.  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.  \* *GV giới thiệu thêm: Cách viết một số tên người Hán việt như: Thích Ca Mâu, Hi Mã Lạp Sơn. Đây là những nhưng tên riêng được phiên âm theo tiếng Hán việt.( Viết lên bảng).*  - Cách viết tên một số tên người Hán việt có gì đặc biệt.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* *GV chốt: Khi viết tên riêng của người nước ngoài chúng ta cần phải viết hoa ở chữ cái đầu tiên và dấu gạch nối giữa các tiếng. Ngoài ra tên địa lí nước ngoài chúng ta cũng cần phải viết hoa cái đầu tiên và dấu gạch nối giữa các tiếng.*  **Bài 3: Viết lại những tên riêng sau cho đúng quy tắc:**  **-**Tên người: anbe anhxtanh, crítxtian anđécxen, iuri gagarin.  -Tên địa lí: xanh pêtécbua, tôkiô, amadôn, niagara.  - GV nhận xét chốt kết quả đúng.  *Chốt: Cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài.*  **3. Vận dụng:**  - Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc viết hoa tên người nước ngoài?  Nhận xét , tuyên dương và dặn dò chuẩn bị bài sau. | - HS nêu:  - Khi viết tên người, tên địa lí nước ngoài, ta viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu bộ phận tạo thành tên gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng cần có gạch nối.  - Có một số tên người, tên địa lí nước ngoài viết giống như cách viết tên riêng Việt nam. Đó là những tên riêng được phiên âm theo âm Hán Việt.  - Nhiều HS nhắc lại.  - HS viết bảng con.  - Đọc bài viết của mình.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - Đáp án đúng:  *a)* Viết hoa chữ cái đầu tiên và đặt dấu gạch nối giữa các tiếng.  - HS lắng nghe  - 2-3 HS đọc  - Lớp đọc đồng thanh.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện nhóm trả lời:  - Chữ cái đầu của mỗi tiếng được viết hoa  - Giữa các tiếng trong cùng một bộ phận có dấu gạch nối.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe theo dõi  - HS trả lời:  + Viết giống như tên riêng Việt nam tất cả đều được viết hoa.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS nêu.  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu của bài.  - Xác định yêu cầu.  - HS làm bài vào vở.  1HS làm trên bảng lớp.  Tên người: An –be Anh –xtanh; Crit-xti-an An-đec-xen, I-u-ri Ga-ga-rin.  Tên địa lí: Xanh Pê-téc-bua; Tô –ki-ô; A- ma-dôn; Ni-a-ga-ra.  - HS nhận xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….